

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VĨNH THÁI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VĨNH THÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH THAI SERVICES DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VINTAS CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107816538

**3. Ngày thành lập:** 21/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 35, ngõ Đại Đồng, thôn 1, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932     |
| 2.  | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6312     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652     |
| 5.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>- Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử;<br>- Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;<br>- Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm;<br>- Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;<br>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;<br>- Dịch vụ tích hợp hệ thống;<br>- Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm | 6329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5820        |
| 7.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811        |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4641        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6311        |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;<br>- Cho thuê không kèm người điều khiển:<br>+ Động cơ,<br>+ Dụng cụ máy,<br>+ Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu,<br>+ Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,<br>+ Thiết bị sản xuất điện ảnh,<br>+ Thiết bị đo lường và điều khiển,<br>- Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển<br>- Cho thuê container;<br>- Cho thuê palet; | 7730        |
| 11. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 12. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3312        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 14. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7490        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791        |
| 17. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>- Chuẩn bị tài liệu;<br>- Sửa tài liệu hoặc hiệu đính;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8219        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299        |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6202(Chính) |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310        |
| 21. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet;<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6190        |
| 22. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5912        |
| 23. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9521        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                       | 8230 |
| 25. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>- Đào tạo công nghệ thông tin; | 8559 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                               | 6209 |
| 27. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                        | 7020 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn kính mắt;                                     | 4649 |
| 29. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                       | 9511 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                    | 8220 |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                 | 7410 |
| 32. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                           | 6201 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                           | 4321 |
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại;                                                                                                                                                             | 4610 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                      | 9512 |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                             | 4931 |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                         | 8560 |
| 38. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;                                                                                              | 5911 |

**6. Vốn điều lệ:** 600.000.000 VNĐ

Ho và tên: **TRẦN MANH**

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 162518415

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 7, Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 35, ngõ Đại Đồng, thôn 1, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 08/01/1984      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 162518415

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 7, Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 35, ngõ Đại Đồng, thôn 1, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội